

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/DS-PT

Ngày: 13-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị Trang
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 03/01 và 13/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 89/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 735/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Chế Hữu B; sinh năm: 1986; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đoàn Kế T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số I Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Anh Võ Tiến Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Tiến Đ: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A, đường số A, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 13/9/2024). *(Có mặt)*

2.2. Chị Lê Thị Hồng L, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hồng L: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A, đường số A, phường D, thành phố T, tỉnh Long An (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 13/9/2024)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Kim L1, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

4. Người kháng cáo: Anh Võ Tiến Đ, chị Lê Thị Hồng L - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2024, các đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 02/5/2024, ngày 06/6/2024, và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Chế Hữu B là anh Đoàn Kế T trình bày: Do mối quan hệ bạn bè nên vào ngày 20/7/2023, anh Võ Tiến Đ với bà Lê Thị Hồng L (vợ anh Đ) có đến gặp, thỏa thuận giao kết và giao kết hợp đồng vay với anh Chế Hữu B, theo Biên nhận ngày 20/7/2023 do anh Võ Tiến Đ tự ghi và ký tên, ghi họ tên vào mục người viết. Nội dung hợp đồng vay thể hiện như sau: số tiền vay là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), có thỏa thuận nghĩa vụ trả lãi bằng lời nói, không ghi vào biên nhận, không thỏa thuận mức lãi suất; thời hạn trả ghi trong biên nhận là ngày 21/7/2023.

Anh B đã giao đủ số tiền cho vay cho anh Đ nhận trực tiếp. Anh Đ có giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00827 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 12/12/2007 cho ông Võ Tiến Đ đối với thửa đất 121, tờ bản đồ số 36 tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho anh B giữ để làm tin.

Đến hạn trả nợ là ngày 21/7/2023, anh Đ và chị Hồng L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay như đã thỏa thuận. Thời gian sau, anh Đ có trả cho anh B số tiền 550.000.000 đồng, đến nay anh Đ không trả thêm khoản tiền nào cho món nợ vay này.

Anh Chế Hữu B yêu cầu Tòa án buộc anh Võ Tiến Đ và chị Lê Thị Hồng L trả lại cho anh B số tiền nợ vay là 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng). Và trả số tiền nợ lãi trên số tiền nợ gốc 1.450.000.000 đồng trong hợp đồng vay ngày 20/7/2023, thời gian tính lãi từ ngày 20/7/2023 đến nay là 10 tháng, với mức lãi suất là 0,83%/tháng với số tiền lãi tổng cộng là 120.450.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Anh B tự nguyện trả cho anh Đ và chị Hồng L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh Đ đã giao cho anh B làm để làm tin.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn xác định các bị đơn là anh Võ Tiến Đ và chị Lê Thị Hồng L là vợ chồng hợp pháp, đang cùng kinh doanh mua bán, việc anh Đ vay tiền của anh B để trả nợ vay Ngân hàng, số tiền vay khá lớn nên xác định việc anh Đ vay tiền để phục vụ nhu cầu sử dụng của gia đình. Nên anh B yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn là vợ chồng anh Đ và chị Hồng L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh B số tiền nợ gốc là 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) và trả số tiền nợ lãi trên số tiền nợ gốc trong hợp đồng vay ngày 20/7/2023, tính từ ngày 20/7/2023 đến nay là 10 tháng, với mức lãi suất là 0,83%/tháng là 120.450.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 1.570.450.000 (Một tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi theo quy định pháp luật cho đến khi trả xong nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Võ Tiến Đ trình bày: Anh Võ Tiến Đ với vợ chồng anh Chế Hữu B và chị Lê Thị Kim L1 có mối quan hệ làm ăn trong lĩnh vực đáo nợ ngân hàng từ rất lâu, nhiều lần qua lại tiền bạc, các lần trước đều minh bạch, rõ ràng.

Do có nhu cầu đáo hạn Ngân hàng, nên ngày 20/7/2023, anh Đ có vay của anh B số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), anh Đ có viết biên nhận vay tiền bằng giấy viết tay cho anh B. Để đảm bảo niềm tin cho khoản tiền vay và do anh B yêu cầu nên anh Đ đã giao cho anh B bản chính biên nhận ngày 20/7/2023 và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhận số tiền vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Biên nhận có thể hiện thời hạn trả là 21/7/2023, tuy trong biên nhận không thể hiện nhưng hai bên có thỏa thuận mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 9%/ tháng).

Tuy nhiên, do hồ sơ vay Ngân hàng của anh Đ chưa được duyệt, nên vào ngày 22/7/2023, anh Đ có đến gặp và thỏa thuận với anh B hẹn lại thời gian trả vốn lãi là không quá 3 tháng. Anh B yêu cầu anh Đ đóng lãi tiền vay trên 01 ngày (Từ ngày 20 đến 21/7/2023) số tiền là 12.000.000 đồng, anh Đ đã chuyển khoản từ tài khoản của anh Đ sang tài khoản của chị Lê Thị Kim L1 vợ anh B để trả cho anh B số tiền 12.000.000 đồng tiền lãi.

Đến ngày 20/10/2023, anh Đ có trả đủ số tiền nợ gốc vay trong hợp đồng vay ngày 20/7/2023 đủ số tiền 2.000.000.000 đồng qua 04 lần chuyển khoản ngày 20/10/2023, và chốt số tiền lãi với anh B trên khoản vay này. Kết quả hai bên thống nhất anh Đ còn phải trả cho anh B số tiền lãi là 550.000.000 đồng. Phần nợ lãi này, anh Đ cũng đã trả đủ cho anh B qua 4 lần chuyển khoản ngày 27/10/2023; 01/11/2023; 07/11/2023 và 17/11/2023. Anh Đ có gửi chứng từ chuyển khoản để chứng minh.

Sau khi trả xong gốc vay, anh Đ có yêu cầu anh B giao trả Biên nhận vay tiền ngày 20/7/2023, anh B nói đã xé bỏ, do tin tưởng nên anh Đ nghĩ anh B đã xé bỏ và không đòi nữa. Riêng về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao anh B giữ, anh Đ vẫn chưa lấy lại vì nghĩ còn giao dịch làm ăn sau này nên không lấy lại.

Anh Võ Tiến Đ yêu cầu anh Chế Hữu B trả lại Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Đ đứng tên đối với thửa đất số 121, tờ bản đồ 36, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp mà anh Đ đã giao anh B giữ làm tin khi giao kết thực hiện các hợp đồng vay.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn Võ Tiến Đ là chị Trần Thị Kim T1 trình bày: Bị đơn khẳng định đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi trong Hợp đồng vay ngày 20/7/2023 như bị đơn đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Cũng thống nhất giữ nguyên lời trình bày anh Đ trong quá trình giải quyết vụ án về lý do anh B còn giữ bản gốc Biên nhận ngày 20/7/2023 và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phía bị đơn thừa nhận mục đích của việc vay tiền là để anh Đ trả khoản vay có thể chấp tại một Ngân hàng. Anh Đ và chị Lê Thị Hồng L là vợ chồng hợp pháp còn duy trì quan hệ hôn nhân, tuy nhiên anh Đ và chị Hồng L làm ăn riêng, chị H1 Liên hoàn toàn không biết việc anh Đ vay tiền anh B, anh Đ vay tiền để trả nợ riêng của anh Đ. Vì thế anh Đ không đồng ý cùng liên đới với chị L trả nợ vay theo yêu cầu nguyên đơn.

Bị đơn là anh Đ yêu cầu anh B phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Đ đứng tên đối với thửa đất số 121, tờ bản đồ 36, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp mà anh Đ đã giao anh B giữ làm tin khi giao kết thực hiện các hợp đồng vay.

- *Tại Tờ tự khai đề ngày 11/7/2024, bị đơn chị Lê Thị Hồng L trình bày:* Chị Lê Thị Hồng L là vợ của bị đơn anh Võ Tiến Đ. Chị Hồng L không thống nhất với Đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2024 của ông Chế Hữu B, chị Hồng L cho rằng chị Hồng L không có đến nhà anh B cũng như hỏi vay tiền của anh B. Chị Hồng L không biết anh Đ có vay của anh B số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) như anh B khởi kiện. Vì vậy, chị Hồng L không đồng ý phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) cho anh B. Việc anh Đ (chồng của chị Hồng L) đến nhà anh B vào ngày 20/7/2024 để hỏi vay số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) chị H1 Liên hoàn toàn không biết. Chị Hồng L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- *Theo văn bản bày ý kiến đề ngày 02/5/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kim L1:* Chị Kim L1 cho rằng chị là vợ hợp pháp của anh Chế Hữu B, chị Kim L1 thống nhất ý kiến của anh B. Chị Kim L1 xác định tài khoản cá nhân tên Lê Thị Kim L1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (V) là tài khoản của vợ chồng chị dùng để giao dịch. Chị L1 xác định chị L1 có nhận chuyển khoản những lần như anh Đ cung cấp chứng từ chuyển khoản cho tài khoản tên Lê Thị Kim L1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (V), nhưng đó là việc trả nợ cho các khoản vay khác, vì giữa vợ chồng anh B, chị Kim L1 với vợ chồng anh Đ, chị Hồng L có mối quan hệ cho vay từ lâu nay, giao dịch rất nhiều lần. Chị Kim L1 đồng ý số tiền 2.000.000.000 đồng mà anh B cho anh Đ vay theo hợp đồng vay ngày 20/7/2023 là tiền riêng của anh B, việc chị Kim L1 nhận các lần chuyển khoản từ anh Đ là giao dịch làm ăn khác, các giao dịch trên đã hoàn thành không tranh chấp, chị Kim L1 cũng không ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở, bởi bị đơn đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi trong hợp đồng vay đang tranh chấp. Trước đó, do gặp khó khăn về tài chính, cụ thể là để trả khoản nợ vay khác tại một Ngân hàng nên anh Đ đã vay tiền như anh B trình bày. Do Ngân hàng chưa duyệt cho vay lại nên có đến gặp anh B để gia hạn thời hạn trả nợ lên 03 (ba) tháng, và được anh B

đồng ý. Khi đến hạn, anh Đ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi trong hợp đồng vay này. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận giá trị chứng minh của các hình chụp màn hình điện thoại có thể hiện nội dung tin nhắn mà nguyên đơn giao nộp vì các chứng cứ này không phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự về chứng cứ. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Chế Hữu B; và chấp nhận yêu cầu của bị đơn anh Võ Tiến Đ về việc yêu cầu anh B phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đ.

Tại Bản án sơ thẩm số 89/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Chế Hữu B.

Buộc các bị đơn anh Võ Tiến Đ và chị Lê Thị Hồng L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Chế Hữu B số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm trong hợp đồng vay theo Biên nhận ngày 20/7/2023 số tiền là 1.570.450.000 (Một tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án như mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Chế Hữu B và chấp nhận yêu cầu của bị đơn anh Võ Tiến Đ, buộc anh Chế Hữu B trả cho anh Võ Tiến Đ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00827 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 12/12/2007 cho ông Võ Tiến Đ đối với thửa đất 121, tờ bản đồ số 36 tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Võ Tiến Đ kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản sơ thẩm do không khách quan. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chị Lê Thị Hồng L kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì anh Đ đã trả tiền cho nguyên đơn. Chị L không đồng ý liên đới cùng anh Võ Tiến Đ trả nợ cho nguyên đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Anh Đoàn Kế T trình bày: Anh Chế Hữu B vẫn giữ nguyên việc khởi kiện, không thỏa thuận được với anh Võ Tiến Đ về việc giải quyết vụ án.

+ Anh Trần Thanh H trình bày: Anh Võ Tiến Đ và chị Lê Thị Hồng L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm. Anh Đ đã trả tiền vốn và lãi vay cho anh B xong nên không đồng ý theo yêu cầu của anh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

Việc giao kết hợp đồng vay giữa nguyên đơn anh Chế Hữu B và bị đơn anh Võ Tiến Đ được thể hiện bằng văn bản theo nội dung của Biên nhận ngày 20/7/2023 giữa người cho vay là anh Chế Hữu B và người vay tiền là anh Võ Tiến Đ. Trong Biên nhận ngày 20/7/2023 có chữ ký và ghi họ tên anh Võ Tiến Đ tại mục người viết. Bị đơn là anh Đ thừa nhận mình có giao kết hợp đồng vay này, tự mình ghi biên nhận ký tên ghi họ tên, mục đích vay để đáo hạn tiền vay tại Ngân hàng và gửi bản chính Biên nhận cho anh B giữ. Căn cứ vào nội dung Biên nhận ngày 20/7/2023 và sự thống nhất anh B và anh Đ xác định số tiền vay trong hợp đồng vay này là 2.000.000.000 đồng, giữa người cho vay là anh Chế Hữu B, người vay tiền là anh Võ Tiến Đ, thời hạn vay là 01 ngày, đến ngày 21/7/2023 là đến hạn trả nợ. Tuy trong Biên nhận ngày 20/7/2023 không có ghi nhận nghĩa vụ trả lãi trong hợp đồng vay, nhưng các bên đương sự đều xác định có thỏa thuận nghĩa vụ trả lãi trong hợp đồng vay này, tuy nhiên hai bên có sự mâu thuẫn trong lời trình bày về mức lãi suất thỏa thuận. Từ đó, xác định đây là hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn, nhưng không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Bị đơn Võ Tiến Đ thừa nhận có vay tiền, đã nhận đủ số tiền vay từ người cho vay là nguyên đơn anh Chế Hữu B, và giao cho anh B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 121, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để làm tin.

Phía nguyên đơn xác định bị đơn đã trả nguyên đơn 550.000.000 đồng tiền nợ gốc, bị đơn cho rằng mình có trả số tiền này nhưng là đóng lãi, lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn tuy nhiên đều xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 550.000.000 đồng, và nguyên đơn xác định trừ vào nợ gốc như vậy là có lợi cho bị đơn nên bản án sơ thẩm chấp nhận việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn 550.000.000 đồng nợ gốc trong hợp đồng vay theo Biên nhận ngày 20/7/2023 là phù hợp. Tuy nhiên, bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn là anh B số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng thông qua 04 lần chuyển khoản vào ngày 20/10/2023, xuất trình các chứng từ chuyển khoản để chứng minh. Nội dung này phía nguyên đơn không thống nhất, nguyên đơn thừa nhận là bị đơn có chuyển khoản cho chị Lê Thị Kim L1 là vợ của nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng như bị đơn trình bày, nhưng đây là giao dịch làm ăn khác và nội dung các chứng từ chuyển khoản ngày 20/10/2023 đối với số tiền 2.000.000.000 đồng nêu trên đều không ghi rõ nội dung giao dịch là để trả khoản nợ ngày 20/7/2023 như bị đơn trình bày. Ngoài ra, phía nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu liên quan đến các giao dịch khác để chứng minh giữa bị đơn và chị Kim L1 có nhiều lần chuyển khoản qua lại phục vụ các giao dịch khác. Đối chiếu các tài liệu là chứng từ chuyển khoản Ngân hàng giữa anh Đ và chị Kim L1 (vợ anh B) mà hai bên đã cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nhận thấy các tài liệu này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Đồng thời việc nguyên đơn là anh B còn giữ bản chính Biên nhận ngày 20/7/2023 và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Đ, cả hai đều xác định nguyên tắc là khi bên vay trả xong tiền vay thì bên cho vay phải trả lại biên nhận cho bên vay và lý do mà phía bị đơn đưa ra để giải thích cho việc anh B còn giữ bản chính Biên nhận và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại không được phía nguyên đơn thừa nhận cho nên không có cơ sở để chấp nhận lý do mà bị đơn trình bày. Từ những phân tích trên có đủ cơ sở xác định việc bị đơn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc và còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc trong hợp đồng vay 20/7/2023 là 1.450.000.000 đồng.

Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay ngày 20/7/2023 là có kỳ hạn và có lãi nên việc anh B yêu trả số tiền nợ gốc là 1.450.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 20/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 10 tháng, với mức lãi suất là 0,83%/tháng với số tiền lãi tổng cộng

là 120.450.000 đồng là phù hợp với quy định tại các điều 466, 469 Bộ luật dân sự.

Đối với trách nhiệm liên đới giữa anh B và chị Hồng L: Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn là vợ chồng anh Đ, chị Hồng L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay. Nhận thấy, anh Đ và chị L là vợ chồng hợp pháp, được các đương sự thừa nhận và có giấy chứng nhận kết hôn là chứng cứ chứng minh. Tuy anh Đ tự giao kết thực hiện hợp đồng vay với anh B, nhưng xét thấy việc giao kết, tham gia hợp đồng vay của anh B là nhằm trả khoản vay có thể chấp của anh Đ tại Ngân hàng, đây là khoản nghĩa vụ lớn trong nghĩa vụ chung của vợ chồng chị L, anh Đ. Vì vậy, căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân gia đình quy định bản án sơ thẩm buộc chị L phải có trách nhiệm liên đới cùng anh Đ trả tiền cho anh B là phù hợp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Võ Tiến Đ và chị Lê Thị Hồng L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” là ông Võ Tiến Đ đối với thửa đất số 91, TĐĐ số 58, diện tích 1.487,5m², giấy CN QSDĐ cấp cho ông Võ Tiến Đ ngày 03/12/2015, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Chế Hữu B khởi kiện đối với anh Võ Tiến Đ và chị Lê Thị Hồng L, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Anh Đ và chị Hồng L kháng cáo trong thời hạn là hợp lệ. Anh B ủy quyền cho anh Đoàn Kế T; anh Đ và chị Hồng L ủy quyền cho ông H, thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng phù hợp nên chấp nhận.

[2] Anh B trình bày là có cho anh Đ vay số tiền 2.000.000.000đ, có tính lãi nhưng không thỏa thuận mức lãi suất, đã trả được số tiền vốn 550.000.000đ,

nên yêu cầu anh Đ và chị Hồng L phải trả số tiền vốn 1.450.000.000đ và tiền lãi là 120.450.000đ. Đối với anh Đ thừa nhận có vay tiền của anh B như trên, nhưng đã thanh toán xong nên không đồng ý theo yêu cầu của anh B.

Xét thấy theo hợp đồng vay tiền ngày 20/7/2023 thể hiện anh B cho anh Đ vay tiền và anh Đ thừa nhận biên nhận do anh viết, ký tên và giao biên nhận cho anh B giữ khi nhận số tiền 2.000.000.000đ. Việc thỏa thuận vay tiền là hoàn toàn tự nguyện.

Tại phiên tòa ông H cho rằng hợp đồng vay ngày 20/7/2023 thỏa thuận thời hạn vay là 01 ngày, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, nhưng do hồ sơ vay Ngân hàng của anh Đ chưa được duyệt nên anh Đ hẹn lại thời gian trả vốn, lãi không quá 03 tháng và đã chuyển tiền vào tài khoản của chị Lê Thị Kim L1, cụ thể:

Đối với tiền vốn: Ngày 20/10/2023 chuyển tiền 04 lần, mỗi lần 499.999.000đ (vào lúc 16 giờ 13 phút 30 giây, 16 giờ 14 phút 23 giây, 16 giờ 15 phút 19 giây và 16 giờ 16 phút 32 giây; bút lục 57).

Đối với tiền lãi: Tổng cộng tiền lãi của 94 ngày là 564.000.000đ, nhưng anh B giảm cho anh Đ 2.000.000đ nên đã chuyển trả tiền lãi là 562.000.000đ, gồm ngày 22/7/2023 số tiền 12.000.000đ, ngày 27/10/2023 số tiền 200.000.000đ, ngày 01/11/2023 số tiền 100.000.000đ, ngày 07/11/2023 số tiền 100.000.000đ, ngày 17/11/2023 số tiền 150.000.000đ (vào lúc 15 giờ 05 phút 15 giây, 15 giờ 31 phút 02 giây, 14 giờ 31 phút 19 giây, 10 giờ 09 phút 08 giây).

Theo tờ tường trình của anh B ngày 04/01/2025 và anh T cho rằng anh Đ chỉ có chuyển khoản cho chị Kim L1 số tiền lãi 12.000.000đ của khoản vay 2.000.000.000đ vào ngày 20/7/2023. Đối với các khoản tiền còn lại là chuyển trả cho các khoản vay cụ thể như sau:

Ngày 18/10/2023, anh Đ nhắn tin Z hỏi mượn 2.000.000.000đ, nhận tiền vào ngày 19/10/2023 thỏa thuận thời hạn vay 01 ngày, nên ngày 20/10/2023 anh Đ chuyển tiền cho chị Kim L1 trả 04 lần, mỗi lần 499.999.000đ (sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn thể hiện vào lúc 16 giờ 13 phút 30 giây, 16 giờ 14 phút 23 giây, 16 giờ 15 phút 19 giây và 16 giờ 16 phút 32 giây; bút lục 36, 37, 57).

Ngày 26/10/2023, anh Đ nhắn tin Z hỏi vay 500.000.000đ, nhận tiền do chị Kim L1 chuyển khoản cho anh Đ 200.000.000đ vào ngày 26/10/2023 (bút

10

lục 43, 44) và cùng ngày thì anh B giao tiền mặt cho anh Đ 300.000.000đ. Khoản tiền vay này được trả vào ngày 27/10/2023 là 200.000.000đ, ngày 01/11/2023 là 100.000.000đ, ngày 07/11/2023 là 100.000.000đ, ngày 08/11/2023 là 100.000.000đ (sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn tại bút lục 433, 434 và 42).

Ngày 16/11/2023 vay 1.000.000.000đ (bút lục 29) và anh Đ đã chuyển khoản trả ngày 17/11/2023 trong 03 lần tổng cộng 1.000.000.000đ (sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn thể hiện 150.000.000đ, 400.000.000đ, 450.000.000đ; bút lục 432).

Qua nội dung trên cho thấy, ông H và anh T xác nhận hai bên có giao nhận tiền bằng chuyển vào tài khoản của chị Kim L1. Theo ông H cho rằng anh Đ đã chuyển khoản vào ngày 20/10/2023, 27/10/2023, 01/11/2023, 07/11/2023, 17/11/2023 là trả cho anh B tiền vốn lãi vay ngày 20/7/2023. Đối với anh T khai khoản tiền vay 2.000.000.000đ ngày 20/7/2023 thì anh Đ chỉ trả tiền vốn bằng tiền mặt 550.000.000đ, còn các khoản tiền do bên Đ chuyển khoản là để trả cho các khoản vay ngày 19/10/2023, 26/10/2023, 16/11/2023 (anh Đ vay tiền thể hiện các tin nhắn Z và trả tiền thể hiện tại sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn các ngày 20/10/2023, 27/10/2023, 01/11/2023, 07/11/2023, 08/11/2023, 17/11/2023). Tất cả các khoản ghi trong sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng do hai bên nêu ra đều không nêu nội dung chuyển khoản để trả tiền vốn, lãi hoặc trả cho khoản vay ngày nào, nhưng các tài liệu do anh T cung cấp và chứng từ sao kê của Ngân hàng thì phù hợp với trình bày của anh T.

Mặt khác tại phiên tòa anh T và ông H khai thống nhất là khi giao dịch thì anh Đ chủ động nhắn tin cho anh B để thỏa thuận vay tiền, hai bên hẹn địa điểm gặp nhau giao biên nhận do anh Đ viết sẵn cho anh B, khi anh Đ chuyển khoản trả tiền xong thì hẹn địa điểm gặp nhau để anh B trả lại biên nhận. Trên thực tế thì hiện nay anh B vẫn còn giữ biên nhận ngày 20/7/2023 và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Đ. Nay ông H giải thích việc anh Đ không nhận lại biên nhận ngày 20/7/2023 là do anh B nói đã xé bỏ biên nhận, như vậy trình bày của ông H là không phù hợp với cách thức thực hiện giao dịch do hai bên quy định, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc này.

Nay anh T thừa nhận anh B đã nhận tiền mặt do anh Đ trả vốn 550.000.000đ, vì vậy anh Đ phải có nghĩa vụ thanh toán tiền vốn vay còn nợ 1.450.000.000đ.

[3] Đối với tiền lãi: Do anh T thừa nhận anh Đ có chuyển khoản trả lãi 12.000.000đ và chỉ yêu cầu trả 10 tháng tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tương ứng 120.450.000đ là có lợi cho anh Đ nên chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của chị Hồng L về việc không đồng ý liên đới trả nợ vay: Nhận thấy vợ chồng chị Hồng L bán quán ăn hàng ngày (quán nhậu) và anh Đ thừa nhận có vay tiền Ngân hàng đến hạn trả nợ nên vay tiền của anh B thanh toán cho Ngân hàng, ông H khai vay tiền cho gia đình. Như vậy vợ chồng phải cùng có nghĩa vụ về tài sản trong việc làm kinh tế chung của gia đình, nên chị Hồng L và anh Đ cùng liên đới trách nhiệm trả tiền cho anh B là có cơ sở.

[5] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Tòa án đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, về việc thời phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất của anh Đ để đảm thi hành án theo yêu cầu của anh B. Do đó tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 277/2024-QĐ/BPKCTT ngày 12/12/2024 theo quy định của pháp luật.

[6] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đ và chị Hồng L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm và tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 277/2024-QĐ/BPKCTT ngày 12/12/2024 là có cơ sở nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đ và chị Hồng L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm (có điều chỉnh cách tuyên án). Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật. Đồng thời tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 277/2024-QĐ/BPKCTT ngày 12/12/2024.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đ và chị Hồng L mỗi người phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 117, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 12

308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Tiến Đ và chị Lê Thị Hồng L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Chế Hữu B.

Buộc các bị đơn anh Võ Tiến Đ và chị Lê Thị Hồng L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Chế Hữu B số tiền nợ gốc và tiền lãi số tiền là 1.570.450.000 (Một tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Chế Hữu B và chấp nhận yêu cầu của bị đơn anh Võ Tiến Đ, buộc anh Chế Hữu B trả cho anh Võ Tiến Đ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00827 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 12/12/2007 cho ông Võ Tiến Đ đối với thửa đất 121, tờ bản đồ số 36, tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 277/2024-QĐ/BPKCTT ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của anh Võ Tiến Đ, đối với thửa đất số 91 tờ bản đồ số 58, diện tích 1.487,5m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 03/12/2015, đất tại ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Võ Tiến Đ và chị Lê Thị Hồng L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 59.113.500 đồng (Năm mươi chín triệu, một trăm mười ba nghìn, năm trăm đồng). Anh Đ và chị Hồng L chưa nộp.

Anh Chế Hữu B phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho anh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.461.000 đồng (Ba mươi triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng) theo các biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003628, ngày 23/02/2024 và số 0007474, ngày 06/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Võ Tiến Đ và chị Lê Thị Hồng L mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người đã nộp 300.000đ theo các biên lai thu số 0015009 ngày 13/9/2024 và số 0015010 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh DT;
- TAND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng